Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4822.10.90

Mã HS	4822.10.90
Mô tả hàng hóa	Ống lõi, suốt, cúi và các loại lõi tương tự bằng bột giấy, giấy hoặc bìa (đã hoặc chưa đục lỗ hoặc làm cứng) / - Loại dùng để cuốn sợi dệt: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 19:05:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48221090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7696
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7696
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7696
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7426
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7379
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7379
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7379
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7379
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7379
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7379
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7429
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7429

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7429
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7429
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7429
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7429
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7430
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7430
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7430
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7430
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7430
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7430
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7431
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7385
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7393
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7393
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7393
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7393
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7393
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7393
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7415
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7415
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7415
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7415
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7415
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7415
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7461
VCFTA	2023	2023	5	VC!E7461

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7461
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7461
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7461
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7461
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7441
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7441
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7441
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7441
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7441
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7441
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7454
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7454
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7454
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7454
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7454
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7454
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7458
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7458
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7458
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7458
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7458
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7458
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7459
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7459
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7459
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7459

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7459
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7459
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7409
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7409
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7409
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7409
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7409
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7409
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7409
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7446
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7446
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7446
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7446
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7446
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7446
RCEP B	2022	2022	0	B!D7446
RCEP B	2023	2023	0	B!E7446
RCEP B	2024	2024	0	B!F7446
RCEP B	2025	2025	0	B!G7446
RCEP B	2026	2026	0	B!H7446
RCEP B	2027	2027	0	B!I7446
RCEP C	2022	2022	0	C!D7446
RCEP C	2023	2023	0	C!E7446
RCEP C	2024	2024	0	C!F7446
RCEP C	2025	2025	0	C!G7446
RCEP C	2026	2026	0	C!H7446

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7446
RCEP D	2022	2022	0	D!D7446
RCEP D	2023	2023	0	D!E7446
RCEP D	2024	2024	0	D!F7446
RCEP D	2025	2025	0	D!G7446
RCEP D	2026	2026	0	D!H7446
RCEP D	2027	2027	0	D!I7446
RCEP E	2022	2022	0	E!D7449
RCEP E	2023	2023	0	E!E7449
RCEP E	2024	2024	0	E!F7449
RCEP E	2025	2025	0	E!G7449
RCEP E	2026	2026	0	E!H7449
RCEP E	2027	2027	0	E!I7449
RCEP F	2022	2022	0	F!D7446
RCEP F	2023	2023	0	F!E7446
RCEP F	2024	2024	0	F!F7446
RCEP F	2025	2025	0	F!G7446
RCEP F	2026	2026	0	F!H7446
RCEP F	2027	2027	0	F!I7446
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F6887
VIFTA	2025	2025	4	VI!G6887
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H6887
VIFTA	2027	2027	3	VI!I6887

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4822.10 có 2 dòng thuế; dòng 4822.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	4822.10.10 Hình nón cụt (cones)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4822.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4822.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7696), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.